TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27 – 4 – 2023
V/v ly hôn giữa
Chị D và anh L

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Rỡ

Các Hội thẩm nhân dân:Ông Nguyễn Đình Phùng

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Soan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2023/TLST- HNGĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 105/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thúy D, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ A, ấp B, xã P, huyện P, tỉnh An Giang, xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ A, ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang, xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo khởi kiện ngày 28/12/2022 và lời khai của nguyên đơn chị Trần Thị Thúy D trình bày:

Về hôn nhân: Sau quá trình tự tìm hiểu, chị và anh L đã tự nguyện tiến tới hôn

nhân, có đăng ký hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 3 ngày 18/02/2004 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang cấp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng chị D và anh L thường không sống chung với nhau do chị thường đi làm ăn xa. Tuy nhiên sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L không chung thuỷ do vậy vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cự cãi nhau thường xuyên làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Chị và anh L ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị xin ly hôn anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung tên Trần Quang V, sinh ngày 02/01/2009 và Trần Thị Thúy P, sinh ngày 16/01/2005. Hiện nay chị đang nuôi dưỡng 02 con chung, chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

Theo bản tự khai ngày 11/3/2023 của bị đơn anh Trần Văn L trình bày:

Anh và chị D đăng ký kết hôn năm 2004, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Năm 2018 chị D thường đi làm ăn xa, vợ chồng không sống chung với nhau thường xuyên, lâu ngày chị mới về thăm chồng, con. Anh L không biết lý do chị D xin ly hôn. Anh và chị D không sống chung từ cuối năm 2022 cho đến nay. Nay chị D xin ly hôn anh L đồng ý ly hôn.

Anh và chị D có 02 con chung tên Trần Quang V, sinh ngày 02/01/2009 và Trần Thị Thúy P, sinh ngày 16/01/2005. Hiện nay chị D đang nuôi dưỡng sau khi ly hôn con chung muốn sống với ai là tuỳ các con quyết định, nếu sống cùng chị D thì anh không cấp dưỡng nuôi con chung. Anh và chị D không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tại Tờ tường trình của anh Trần Văn V1 (anh ruột của anh L) cho biết: Cách đây vài năm chị D có đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về thăm anh L và các con. Anh thấy vợ chồng chị D và anh L sống hạnh phúc. Sau khi biết chị D nộp đơn ly hôn anh có khuyên ngăn và khuyên anh L tìm hiểu lý do chị D xin ly hôn. Nhưng anh L nói không biết nguyên nhân. anh L nói chị D không còn thương anh L nữa do đó nay anh L cũng đồng ý ly hôn với chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh L nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Anh D với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

[1.3] Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn có đơn xin vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị D và anh L đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, hôn nhân có đăng ký hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 3 ngày 18/02/2004 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng chị D và anh L thường không sống chung với nhau do chị thường đi làm ăn xa. Tuy nhiên sau đó giữ chị D và anh L không còn tiếng nói chung chị D cho rằng anh L không chung thuỷ, do vậy vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cự cãi nhau thường xuyên, làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Cuối năm 2022 cho đến chị D và anh L đã ly thân không còn qua lại với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị D xin ly hôn anh L.

Anh L và chị D là vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương nhau, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau và cùng nhau cố gắng xây dựng cuộc sống gia đình, nuôi dạy con cái. Anh L và chị D kết hôn với nhau từ năm 2004 nhưng không thường xuyên sống chung với nhau, đến cuối năm 2022 thì ly thân nhau đến nay. Anh L và chị D không còn yêu thương nhau, cả hai không sống chung với nhau thường xuyên và nay đã ly thân một thời gian nhưng không có thiện chí hàn gắn với nhau, điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cho chị D ly hôn với anh L.

[2.2] Về nuôi con chung:

Chị D và anh L có 02 con chung tên Trần Quang V, sinh ngày 02/01/2009 và Trần Thị Thúy P, sinh ngày 16/01/2005 chị D đang nuôi dưỡng. Từ khi vợ chồng ly thân cuối năm 2022 đến nay, chị D là người trực tiếp nuôi con, để ổn định cuộc sống của trẻ và theo nguyện vọng của các con nên Hội đồng xét xử giao cháu V và cháu P cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu nên không buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 91, Điều 147, Điều 266, Điều 322 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Thúy D.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thúy D được ly hôn anh Trần Văn L.

2. Về con chung: Chị D và anh L có 02 con chung tên Trần Quang V, sinh ngày 02/01/2009 và Trần Thị Thúy P, sinh ngày 16/01/2005 đang sống với chị D. Giao cháu Trần Quang V và Trần Thị Thúy P cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu nên không buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị D và các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tạo điều kiện anh L đến thăm nom, chăm sóc con chung; không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Một trong các bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét việc thay đổi nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nếu có yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Ghi nhận các đương sự xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác

5. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005897 ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Anh L không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân
- UBND xã Phú Bình, huyện Phú Tân;
- TAND tỉnh An Giang
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lý Thị Rỡ